

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục bổ sung một số mã ICD-10 liên quan đến COVID-19 theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Y tế quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Phiếu chẩn đoán nguyên nhân tử vong, cấp Giấy báo tử và thống kê tử vong tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục bổ sung một số mã ICD-10 liên quan đến COVID-19 theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới, áp dụng tại các cơ sở có thu dung, điều trị người bệnh COVID-19 (Danh mục đính kèm). Bản điện tử tra cứu tại trang thông tin [www.icd.kcb.vn](http://www.icd.kcb.vn).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, bổ sung các mã ICD-10 kèm theo Quyết định này vào Danh mục phân loại quốc tế bệnh tật và nguyên nhân tử vong theo ICD-10 (ban hành kèm theo Quyết định số 4469/QĐ-BYT ngày 28/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Các hướng dẫn trước đây có cùng nội dung bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế; Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur, Giám đốc các bệnh viện trực thuộc Bộ

Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng Y tế các Bộ, ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Cơ quan BHXH Việt Nam (để p/h);
- Các Vụ, Cục trực thuộc Bộ (để t/hiện);
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Trường Sơn**

## DANH MỤC

## Bổ sung mã ICD-10 liên quan đến COVID-19

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày / /2022  
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

| Mã ICD | Tên bệnh tiếng Việt và chú giải   | Tên bệnh và chú giải theo nguyên gốc tiếng Anh (WHO)  |
|--------|---|---|
| U07.1  | <b>COVID-19, xác định có virus</b>  | <b>COVID-19, virus identified</b>   |
|        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- COVID-19, không xác định</li> <li>- Sử dụng mã này trong trường hợp COVID-19 được khẳng định bằng kết quả xét nghiệm đặc hiệu không kể mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng lâm sàng cơ năng hoặc thực thể. Sử dụng mã bổ sung, để xác định viêm phổi hoặc các biểu hiện lâm sàng khác.</li> </ul> <p><b>Loại trừ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiễm trùng do coronavirus, vị trí không xác định (B34.2)</li> <li>- Coronavirus là tác nhân gây bệnh đã phân loại nơi khác (B97.2)</li> <li>- Hội chứng suy hô hấp cấp tính nặng [SARS], không xác định (U04.9)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- COVID-19 NOS</li> <li>- Use this code when COVID-19 has been confirmed by laboratory testing irrespective of severity of clinical signs or symptoms. Use additional code, if desired, to identify pneumonia or other manifestations.</li> </ul> <p><b>Exclude:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Coronavirus infection, unspecified site (B34.2)</li> <li>- Coronavirus as the cause of diseases classified to other chapters (B97.2)</li> <li>- Severe acute respiratory syndrome [SARS], unspecified (U04.9)</li> </ul>   |
| U07.2  | <b>COVID-19, chưa xác định virus</b>  | <b>COVID-19, virus not identified</b>   |
|        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng mã này khi chẩn đoán COVID-19 dựa vào yếu tố lâm sàng hoặc dịch tễ nhưng chưa có kết quả xét nghiệm khẳng định. Sử dụng mã bổ sung, để xác định bệnh lý viêm phổi hoặc các biểu hiện lâm sàng khác</li> </ul> <p><b>Loại trừ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiễm Coronavirus, cơ quan không xác định (B34.2)</li> <li>- COVID-19:</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ có kết quả xét nghiệm khẳng định (U07.1)</li> <li>+ khám sàng lọc chuyên khoa (Z11.5)</li> <li>+ nghi ngờ nhưng bị loại trừ bởi kết quả xét nghiệm âm tính (Z03.8)</li> </ul>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Use this code when COVID-19 is diagnosed clinically or epidemiologically but laboratory testing is inconclusive or not available. Use additional code, if desired, to identify pneumonia or other manifestations</li> </ul> <p><b>Exclude:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Coronavirus infection, unspecified site (B34.2)</li> <li>- COVID-19:</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ confirmed by laboratory testing (U07.1)</li> <li>+ special screening examination (Z11.5)</li> <li>+ suspected but ruled out by negative laboratory results (Z03.8)</li> </ul> |

| Mã ICD | Tên bệnh tiếng Việt và chú giải  | Tên bệnh và chú giải theo nguyên gốc tiếng Anh (WHO)  |
|--------|--|---|
| U08    | Tiền sử cá nhân mắc COVID-19   | Personal history of COVID-19  |
| U08.9  | Tiền sử cá nhân mắc COVID-19, không xác định   | Personal history of COVID-19, unspecified   |
|        | - Mã này được sử dụng để ghi nhận một đợt điều trị COVID-19 trước đó, được khẳng định hoặc nghi ngờ có ảnh hưởng tới tình trạng sức khỏe của một người mà người đó không còn bị COVID-19 nữa. Mã này không nên sử dụng để mã hoá nguyên nhân tử vong chính   | - This optional code is used to record an earlier episode of COVID-19, confirmed or probable that influences the person's health status, and the person no longer suffers of COVID-19. This code should not be used for primary mortality tabulation  |
| U09    | Tình trạng bệnh lý sau điều trị COVID-19   | Post COVID-19 condition   |
| U09.9  | Bệnh lý sau khỏi COVID-19, không xác định  | Post COVID-19 condition, unspecified  |
|        | - Mã này dùng để xác định mối liên quan với COVID-19. Mã này không được sử dụng trong trường hợp chưa khỏi bệnh COVID-19   | - This optional code serves to allow the establishment of a link with COVID-19. This code is not to be used in cases that still are presenting COVID-19   |
| U10    | Hội chứng viêm đa cơ quan liên quan đến COVID-19   | Multisystem inflammatory syndrome associated with COVID-19  |
| U10.9  | Hội chứng viêm đa cơ quan liên quan đến COVID-19, không xác định   | Multisystem inflammatory syndrome associated with COVID-19, unspecified   |
|        | <p><b>Bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội chứng cơn bão cytokine liên quan đến COVID-19</li> <li>- Hội chứng giống Kawasaki liên quan đến COVID-19</li> <li>- Hội chứng viêm đa cơ quan ở trẻ em (MIS-C) liên quan đến COVID-19</li> <li>- Hội chứng viêm đa cơ quan nhi khoa (PIMS) liên quan đến COVID-19</li> </ul> <p><b>Loại trừ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội chứng hạch-da-niêm mạc [Kawasaki] (M30.3)</li> </ul> | <p><b>Include:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cytokine storm temporally associated with COVID-19</li> <li>- Kawasaki-like syndrome temporally associated with COVID-19</li> <li>- Multisystem Inflammatory Syndrome in Children (MIS-C) temporally associated with COVID-19</li> <li>- Paediatric Inflammatory Multisystem Syndrome (PIMS) temporally associated with COVID-19</li> </ul> <p><b>Exclude:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mucocutaneous lymph node syndrome [Kawasaki] (M30.3)</li> </ul> |
| Mã ICD | Tên bệnh tiếng Việt và chú giải  | Tên bệnh và chú giải theo nguyên gốc tiếng Anh (WHO)  |

|       |   |   |
|-------|---|---|
| U11   | <b>Cần tiêm phòng COVID-19</b>  | <b>Need for immunization against COVID-19</b>   |
| U11.9 | <b>Cần tiêm phòng COVID-19, không xác định</b><br><b>Bao gồm:</b><br>- Mã này không nên sử dụng để so sánh quốc tế hoặc để mã hóa nguyên nhân tử vong chính. Mã bổ sung này được sử dụng nhằm mục đích khi một người có thể có hoặc không bị bệnh đến cơ sở y tế vì mục đích cụ thể là tiêm vắc xin COVID-19.<br><br>- Tiêm vắc xin phòng COVID-19<br><b>Loại trừ:</b><br>- immunization not carried out (Z28.-)                          | <b>Need for immunization against COVID-19, unspecified</b><br><b>Include:</b><br>- This code should not be used for international comparison or for primary mortality coding. This optional code is intended to be used when a person who may or may not be sick encounters health services for the specific purpose of receiving a COVID-19 vaccine.<br>- Prophylactic COVID-19 vaccination<br><b>Exclude:</b><br>- chưa tiêm phòng (Z28.-)  |
| U11   | <b>Vắc xin phòng COVID-19 gây tác dụng phụ trong điều trị</b>   | <b>COVID-19 vaccines causing adverse effects in therapeutic use</b>   |
| U12.9 | <b>Vắc xin phòng COVID-19 gây tác dụng phụ trong điều trị, không xác định</b><br><b>Bao gồm:</b><br>- Mã này sẽ được sử dụng làm mã nguyên nhân ngoại sinh (giống như nhóm Y59, "Các vắc xin và sinh phẩm khác và không xác định"). Sử dụng mã từ chương khác để mô tả biểu hiện lâm sàng của tác dụng phụ.<br><br>- Sử dụng vắc xin phòng COVID-19 đúng hướng dẫn trong điều trị dự phòng là nguyên nhân gây ra bất kỳ tác dụng phụ nào. | <b>COVID-19 vaccines causing adverse effects in therapeutic use, unspecified</b><br><b>Include:</b><br>- This code is to be used as an external cause code (i.e. as a sub category under Y59, "Other and unspecified vaccines and biological substances"). In addition to this, a code from another chapter of the classification should be used indicating the nature of the adverse effect.<br>- Correct administration of COVID-19 vaccine in prophylactic therapeutic use as the cause of any adverse effect. |